

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/DS-ST

Ngày: 21-01- 2021.

V/v “Tranh chấp dân sự về nợ hụi”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trịnh Hữu Chính**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phạm Phước Tâm**

2. Bà **Hồ Thị Mai Hương**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hồ Thị Đào** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 21/01/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 742/2020/TLST-DS, ngày 20 tháng 10 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp dân sự về nợ hụi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 268/2020/QĐXXST-DS ngày 04/12/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 198/2020/QĐST-DS ngày 29/12/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Nguyễn Thanh X**, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Ấp 1, xã Phong M, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của bà X là bà **Võ Thị Băng G**, sinh năm 1957; Địa chỉ: Khóm Mỹ T1, thị trấn Mỹ T2, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 15/9/2020).

Bị đơn: **Trần Thị N**, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Ấp 1, xã Phong M, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Tăng Chí H, sinh năm 1988;

Tăng Văn S (U), sinh năm 1962;

Trịnh Thị K, sinh năm 1965;

Cùng địa chỉ: Ấp 1, xã Phong M, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

(Bà G có mặt; chị N, anh H, ông S và bà K vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn Nguyễn Thanh X ủy quyền cho bà Võ Thị Băng G trình bày: Bà X có tham gia dây hụi do chị N làm chủ thảo, cụ thể dây hụi 5.000.000 đồng/tháng khai ngày 02/10/2018, có 15 phần, bà X tham gia một phần. Bà X đóng tiền cho chị N đầy đủ đến hết kỳ thứ 12, còn 03 kỳ chưa khai. Đến kỳ thứ 13 thì bế hụi, bà X nhiều lần yêu cầu chị N trả số tiền 60.000.000 đồng và chị N có trả cho bà X được số tiền 7.000.000 đồng, còn nợ lại 53.000.000 đồng. Đến ngày 26/6/2020, chị N có viết cam kết trả cho bà X mỗi tháng 1.000.000 đồng, nếu chị N không thực hiện thì bà X có quyền khởi kiện đòi 53.000.000 đồng.

Nay bà X yêu cầu chị N, anh H, ông S và bà K cùng liên đới trả cho bà X số tiền 53.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, phía bà X xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể là bà X chỉ yêu cầu chị N và anh H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà X số tiền 52.000.00 đồng, không yêu cầu tính lãi; không yêu cầu gì đối với ông S và bà K. Ngoài ra, bà X không yêu cầu hay trình bày gì thêm.

Đối bị đơn là chị Trần Thị N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Tăng Chí H, bà Trịnh Thị K đã được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp, hòa giải và triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có văn bản ý kiến, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Tăng Văn S tại phiên họp ngày 27/11/2020 trình bày: Anh H là con ruột, chị N là con dâu và bà K là vợ ông. Việc chơi hụi giữa bà X với chị N, ông không biết. Nay ông không đồng ý theo yêu cầu của bà X. Do bà X thay đổi yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu ông và bà K cùng liên đới với chị N trả cho bà X số tiền 52.000.000 đồng nên ông cũng không có ý kiến gì. Ngoài ra, ông không trình bày hay yêu cầu gì thêm.

*** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:**

- Tài liệu, chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp:
 - + Sổ hụi (bản photo);
 - + Tờ cam kết ngày 26/6/2020 (bản photo).
- Phía bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật, xét thấy: Bà Nguyễn Thanh X yêu cầu chị Trần Thị N và anh Tăng Chí H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà X số tiền hụi là 52.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra, các đương sự không ai có yêu cầu nào khác, nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là

tranh chấp dân sự về nợ hui theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự.

[2] Về thẩm quyền, xét thấy: Theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì tranh chấp giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân và do bị đơn có địa chỉ ở xã Phong M, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng: Chị Trần Thị N, anh Tăng Chí H, ông Tăng Văn S và bà Trịnh Thị K đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị N, anh H, ông S và bà K theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định trong vụ này ngoài số tiền trên thì nguyên đơn không tranh chấp số tiền nào khác và trong vụ án này chỉ liên quan đến các đương sự có tên trên, không liên quan đến đương sự nào khác.

Về nội dung:

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét thấy: Tại đơn khởi kiện, bà Nguyễn Thanh X yêu cầu chị Trần Thị N, anh Tăng Chí H, ông Tăng Văn S và bà Trịnh Thị K phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà X số tiền 53.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, phía bà X xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể là bà X chỉ yêu cầu chị N và anh H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà X số tiền 52.000.00 đồng, (chị N và anh H đã trả được 1.000.000 đồng), không yêu cầu tính lãi; không yêu cầu gì đối với ông S và bà K. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà X là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên chấp nhận.

Còn đối với yêu cầu chị Trần Thị N và anh Tăng Chí H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thanh X số tiền nợ hui còn nợ là 52.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi là có căn cứ, bởi lẽ: Chị N làm chủ hui, bà X đã tham gia đây hui khai ngày 02/10/2018, có 15 phần, bà X tham gia 01 phần và đóng được 12 kỳ, đến kỳ thứ 13 thì hui bẻ. Đến ngày 26/6/2020, chị N làm tờ cam kết đồng ý trả cho bà X số tiền hui còn nợ là 53.000.000 đồng. Sau đó, chị N có trả cho bà X được 1.000.000 đồng, còn nợ lại 52.000.000 đồng. Lẽ ra khi bẻ hui, chị N phải có trách nhiệm hoàn trả lại tiền hui mà bà X đã đóng, nhưng chị N không thực hiện là vi phạm nghĩa vụ của chủ hui theo quy định tại Điều 18 Nghị định 19/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hui, họ, biêu phường. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà X là có căn cứ nên chấp nhận.

Đối với yêu cầu anh Tăng Chí H phải có nghĩa vụ liên đới cùng với chị N trả cho bà X số tiền 52.000.000 đồng là có căn cứ, bởi lẽ: Tại phiên tòa người đại diện ủy quyền của bà X cho rằng việc chị N làm chủ hui và khai hui, đóng tiền hui đều diễn ra tại nhà của chị N và anh H, hiện chị N và anh H vẫn là vợ chồng hợp pháp, vẫn còn sống chung và sinh hoạt chung trong gia đình. Do đó, anh H phải có nghĩa vụ liên đới cùng với chị N trả cho bà X số tiền hui còn nợ là có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định ngoài lời trình bày và các chứng cứ đã nộp cho Tòa án ra, thì nguyên đơn không còn chứng cứ nào khác và cũng không yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ nào khác.

[6] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu của bà X về việc yêu cầu chị N và anh H phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền là 52.000.000 đồng, nên chị N và anh H phải liên đới chịu 2.600.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà Nguyễn Thanh X không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bà X được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.300.000 đồng theo biên lai số 0004178 ngày 19/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 và Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật dân sự; Điều 27, 30 và Điều 37 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 18 Nghị định 19/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hội, họ, biểu phượng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thanh X.
- Buộc chị Trần Thị N và anh Tăng Chí H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thanh X số tiền 52.000.000 đồng (Năm mươi hai triệu đồng).
- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.
- Về án phí:
 - + Chị Trần Thị N và anh Tăng Chí H phải liên đới chịu 2.600.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.
 - + Bà Nguyễn Thanh X không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bà X được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.300.000 đồng theo biên lai số 0004178 ngày 19/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trịnh Hữu Chinh